



TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 1A.9.3/TĐTKT-DVK

Mã số thuế

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ KHÁC

Năm 2016

(Áp dụng cho các doanh nghiệp đơn/cơ sở có hoạt động thuộc ngành dịch vụ được liệt kê trong phiếu)

Tên doanh nghiệp/ cơ sở:.....

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu):.....

Địa chỉ: *CQ Thống kê ghi*

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:.....

Huyện/quận (thị xã, TP thuộc tỉnh).....

Ngành SXKD chính:.....

(VSIC 2007-Cấp 5)

Loại hình cơ sở

- | | |
|----------------------------------|--|
| 1. Doanh nghiệp đơn | 3. Trụ sở chính có hoạt động SXKD |
| 2. Cơ sở trực thuộc doanh nghiệp | 4. Cơ sở SXKD trực thuộc cơ quan hành chính, sự nghiệp |

Tổng số lao động thời điểm 01/01/2016: Người

Trong đó: Nữ Người

Tổng số lao động thời điểm 31/12/2016: Người

Trong đó: Nữ Người

Tên chỉ tiêu	Mã số	Thực hiện năm 2016
A	B	I
1. Doanh thu thuần dịch vụ chuyên môn, khoa học và công nghệ (01=02+03+...+06)	01	
1.1. Dịch vụ pháp luật, kế toán, kiểm toán, công chứng	02	
1.2. Dịch vụ kiến trúc, kiểm tra và phân tích kỹ thuật	03	
1.3. Dịch vụ quảng cáo và nghiên cứu thị trường	04	
1.4. Dịch vụ thú y	05	
1.5. Dịch vụ chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa kể ở trên	06	
Trong đó: Dịch vụ thiết kế chuyên dụng (thiết kế sản phẩm may mặc, giày dép, trang sức, trang trí nội thất)	07	
2. Doanh thu thuần dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ (trừ dịch vụ lữ hành) (08=09+10+11+12+13)	08	
2.1. Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị không kèm người điều khiển; cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình; cho thuê tài sản phi tài chính (ngành 77)	09	
2.2. Dịch vụ lao động và việc làm (ngành 78)	10	
2.3. Dịch vụ bảo vệ cá nhân, hệ thống bảo đảm an toàn, dịch vụ thám tử tư nhân (ngành 80)	11	
2.4. Dịch vụ vệ sinh nhà cửa, công trình và cảnh quan (ngành 81)	12	

2.5. Dịch vụ hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác (ngành 82)	13	
2.5.1. Dịch vụ tổ chức sự kiện, giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ sự kiện thể thao, nghệ thuật), (ngành 823)	14	
2.5.2. Dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ khác	15	
3. Doanh thu thuần dịch vụ nghệ thuật vui chơi, giải trí (16=17+19+21+26)	16	
3.1. Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	17	
Trong đó: Dịch vụ tổ chức sự kiện, triển lãm nghệ thuật dành cho công chúng	18	
3.2. Hoạt động xổ số	19	
Trong đó: chi trả thưởng xổ số năm 2016	20	
3.3. Hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí	21	
3.3.1. Dịch vụ thể thao (ngành 931)	22	
Trong đó: Dịch vụ tổ chức sự kiện thể thao (ngành 93110)	23	
3.3.2. Dịch vụ vui chơi, giải trí (ngành 932)	24	
Trong đó: Dịch vụ vui chơi, giải trí khác (Ngành 9329)	25	
3.4. Hoạt động vui chơi, giải trí khác chưa được phân vào đâu	26	
4. Doanh thu thuần dịch vụ khác (27=28+ ... + 31)	27	
4.1. Dịch vụ sửa chữa máy vi tính, đồ dùng cá nhân và gia đình	28	
4.2. Dịch vụ giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	29	
4.3. Dịch vụ phục vụ tang lễ (trừ bán lẻ các sản phẩm phục vụ tang lễ)	30	
4.4. Dịch vụ phục vụ cá nhân và cộng đồng khác chưa kể ở trên	31	